TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TS
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30/5/2024
Về việc:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Minh và ông Lê Hữu Thủy

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TS, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" thụ lý số 31/2024/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Đào H, sinh năm 1989
Bị đơn: Anh Lê T, sinh năm: 1985
Đều có địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện TS.
Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào H trình bày: Chị và anh Lê T kết hôn trên cơ sở tự guyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã D, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/01/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, trong cuộc sống không cùng quan điểm, anh T không chịu khó làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, anh T còn dùng bạo lực đối với chị H. Đến ngày 15/02/2024 (tức 06/01/2024 âm lịch) vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị H về nhà bố mẹ đẻ sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, quá trình sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo.

Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung cháu Lê A, sinh ngày 22/10/2014 và cháu Lê G, sinh ngày 12/5/2018. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, nếu anh T không đồng ý thì chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê G vì cháu đang còn nhỏ, lại là con gái để thuận lợi cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Lê A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại chị H đang làm công nhân tại Công ty đóng tại xã D, thu nhập mỗi 6.500.000đ, làm việc 26 ngày/1 tháng. Hiện tại chị đang sống tại nhà bố mẹ đẻ, ông bà đang còn trẻ, khỏe, không phải chăm sóc, nuôi dưỡng ai nên có thể hỗ trợ chị trong việc chăm sóc cháu.

Về tài sản và nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và phần nợ.

***** Bị đơn anh Lê T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng, quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra chị H có những lời lẽ hơi quá với anh, trong lúc bực tức do không kiềm chế được nên anh có đánh chị H, anh thấy việc anh đánh chị H là không đúng. Đến ngày 06/01/2024 âm lịch chị H về nhà bố mẹ đẻ sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, quá trình sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay anh xét thấy vẫn còn thương yêu chị H nên mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ.

Về con chung: Anh T thống nhất vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày là đúng, từ khi vợ chồng ly thân hai cháu ở với anh. Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, anh có trình bày nếu phải ly hôn anh cũng đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

Tuy nhiên tại phiên tòa anh T trình bày nếu phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Công việc hiện tại của anh T là thợ điện nước, anh nhận các công trình trên địa bàn xã nên thu nhập bình quân mỗi tháng từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ, do anh làm thợ điện nước nên thời gian linh hoạt có thời gian để đưa đón con đi học, bố mẹ anh còn trẻ tuy không sống cùng anh nhưng sống cùng thôn, có thể hỗ trợ anh trong việc chăm sóc các cháu.

Về tài sản và nợ: Anh T cũng không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:**

- *Về tuân theo pháp luật*: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đào H được ly hôn với anh Lê T.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Lê G, sinh ngày 12/5/2018 cho chị Đào H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Lê A, sinh ngày 22/10/2014 cho anh Lê T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận đị

[1] Về hôn nhân: Chị Đào H và anh Lê T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã D, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/01/2014. Nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đến 15/02/2024 mâu thuẫn trầm trọng, chị H về nhà bố me đẻ sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo.

Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh T vẫn còn thương yêu chị Hạnh và mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau, tuy nhiên quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T không đưa ra được giải pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đào H được ly hôn với anh Lê T.

[3] Về con chung: Vợ chồng đều thống nhất có Vợ chồng có 2 con chung cháu Lê A, sinh ngày 22/10/2014 và cháu Lê G, sinh ngày 12/5/2018. Nay ly hôn cả chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, giao cháu A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H và anh T đều chính đáng. Tuy nhiên, giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh và khả năng chăm sóc nuôi dưỡng con chung để các cháu phát triển một cách tốt nhất.

Về điều kiện của chị H: Hiện nay chị H làm làm công nhân tại Công ty giày ADIANA tại xã D, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa, thu nhập mỗi tháng 6.500.000đ, làm việc 26 ngày /1 tháng. Hiện tại chị đang sống cùng bố mẹ đẻ, bố mẹ chị còn trẻ, khỏe nên có thể hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con. Cháu G đang còn nhỏ, lại là con gái cùng giới tính với mẹ, là điều kiện thuận lợi để chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu phát triển tốt nhất, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về phần con chung giao cháu G cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về điều kiện của anh T: Hiện tại anh T làm thợ điện nước, theo anh T trình bày thu nhập bình quân mỗi tháng từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ nên có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, tuy nhiên hiện tại hai cháu đều đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc nuôi dưỡng từ bố, mẹ, nếu giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ khó khăn cho anh T trong việc tạo lập cuộc sống mới, chị H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung của anh T không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Cháu Lê A có nguyện vọng được ở với bố nên giao cháu A cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu A.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H và anh T mỗi người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản, nợ: Các bên đều thống nhất không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định cảu pháp luật theo quy định của pháp luật..

Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, trước khi Tòa án tiến hành phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải đã có đơn xin rút yêu cầu về tài sản nên chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Xử cho chị Đào H được ly hôn với anh Lê T

Về con chung: Giao cháu Lê G, sinh ngày 12/5/2018 cho chị Đào H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Lê A, sinh ngày 22/10/2014 cho anh Lê T trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Lê T phải giao cháu Lê G cho chị Đào H nuôi dưỡng.

Chị Đào H và anh Lê T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Đào H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.375.000
đồng theo biên lai số 0002814 ngày 04 tháng 3 năm 2024 và nhận lại 8.075.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
- Tòa án tỉnh;
- VKS Triệu Sơn;
- C.cục thi hành án DS TS;
- Ủy ban ND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vu án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Văn Hiệu Lê Hữu Thủy Lê Thị Lan